

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ HẬU GIANG

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	LÊ PHƯỚC	AN	1	1	1990				Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật hành chính		HAG00016		42.50	30.00	45.00		HAG00035
2	NGUYỄN BẠCH LAN	ANH				17	9	1991	Long Xuyên - An Giang	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		HAG00090		52.50	50.00	75.00		HAG00089
3	NGUYỄN THỊ TÚ	ANH				27	5	1992	Giồng Riềng - Kiên Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế nông nghiệp		HAG00114		87.50	68.75	85.00		HAG00004
4	TRẦN THỊ NHƯ	ANH				20	6	1988	Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		HAG00139		55.00	45.00	62.50		HAG00143
5	BÙI ĐÌNH	BẢO	3	6	1993				Châu Thành - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật hành chính		HAG00177		57.50	42.50	70.00		HAG00146
6	LÂM KIM	BÁY				17	9	1993	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG00190		VT	VT	VT		HAG00041
7	TRẦN THU	BÚP				20	8	1991	Gò Quao - Kiên Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG00247		VT	VT	VT		HAG00015
8	NGUYỄN THỊ HỒNG	CẨM				12	6	1993	Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		HAG00256		67.50	33.75	65.00		HAG00007
9	TRẦN NGỌC	ĐA	22	7	1989				Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Tài chính - Ngân hàng		HAG00408		VT	VT	VT		HAG00123
10	LÂM Văn	ĐĂNG	10	3	1990				Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Tài chính công		HAG00422		VT	VT	VT		HAG00079
11	PHẠM THÁNH	DANH			1986				Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Trà Vinh	Kế toán		HAG00428		50.00	35.00	55.00		HAG00093
12	LÊ THỊ HỒNG	ĐÀO				30	10	1993	Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật hành chính		HAG00435		47.50	33.75	47.50		HAG00083
13	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	1	1	1991				Ngã Bảy - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		HAG00460		92.50	90.00	77.50		HAG00104
14	HUỖNH THỊ	ĐỀ				15	6	1985	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG00471		45.00	27.50	55.00		HAG00025
15	TRẦN NGỌC	DIỄM				7	11	1994	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên		HAG00500		52.50	36.25	67.50		HAG00142
16	TRẦN THỊ THU	DIỄM				12	7	1990	Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán		HAG00504		47.50	50.00	62.50		HAG00124
17	ĐẶNG THỊ ÚT	DIỆU				4	9	1988	Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán		HAG00532		37.50	31.25	57.50		HAG00081
18	TRẦN THU	DÌNH				20	5	1988	Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học mở TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HAG00544		67.50	32.50	57.50		HAG00116
19	VÕ HOÀI	ĐÔNG	26	3	1985				Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG00553		VT	VT	VT		HAG00085
20	HUỖNH THỊ MỸ	DUNG				31	10	1984	Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế ngoại thương	DTTS	HAG00583	20	VT	VT	VT		HAG00126
21	LÊ VĂN	DƯỠC	15	6	1994				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật hành chính		HAG00650		VT	VT	VT		HAG00066
22	TẶNG KHẢ	HÀ				22	5	1979	Kế Sách - Sóc Trăng	Đại học Cửu Long	Kế toán	DTTS	HAG00861	20	62.50	60.00	47.50		HAG00096
23	NGUYỄN VŨ	HÂN	1	1	1993				Tam Bình - Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		HAG00897		77.50	56.25	82.50		HAG00103
24	TRƯƠNG THỊ	HÂN				18	3	1984	Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Trà Vinh	Luật		HAG00901		57.50	41.25	45.00		HAG00090
25	LÊ NGUYỄN ANH	HÀO	6	7	1994				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Trà Vinh	Luật		HAG00999		42.50	31.25	60.00		HAG00144
26	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	25	7	1986				Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Luật học		HAG01098		37.50	25.00	32.50		HAG00023
27	LÊ HUY	HOÀNG	6	10	1990				Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Trà Vinh	Kế toán		HAG01188		45.00	27.50	62.50		HAG00018
28	NGUYỄN THỊ KIỀU	HOANH				28	1	1989	Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Trà Vinh	Luật		HAG01205		VT	VT	VT		HAG00110
29	NGUYỄN CẨM	HỒNG				29	1	1989	Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG01225		55.00	42.50	52.50		HAG00039
30	PHAN THỊ ÁNH	HỒNG				2	11	1986	Bình Trị Thiên - Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Kế toán		HAG01239		72.50	33.75	62.50		HAG00075
31	NGUYỄN CẨM	HƯỚNG				26	5	1993	Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Trà Vinh	Luật		HAG01363		45.00	35.00	50.00		HAG00014
32	VÕ VĂN	HỮU	26	9	1985				Châu Thành - Hậu Giang	Đại học Trà Vinh	Luật	HTNVQS	HAG01374	10	50.00	40.00	62.50		HAG00021
33	BÙI NGUYỄN THANH	HUYỀN				17	12	1991	Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế thủy sản		HAG01399		72.50	61.25	80.00		HAG00092
34	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN				20	6	1993	Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán		HAG01412		VT	VT	VT		HAG00105

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
35	TRẦN NGỌC	HUYỀN				7	1	1993	Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG01437		60.00	51.25	70.00		HAG00054
36	VÕ QUỐC	KHANG	1	12	1989				Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế nông nghiệp		HAG01472		60.00	52.50	70.00		HAG00074
37	NGUYỄN TRỌNG	KHÁNH	27	2	1993				Thanh Trị - Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Luật hành chính		HAG01491		50.00	30.00	65.00		HAG00016
38	TRẦN PHÚ	KHÁNH	9	9	1989				Châu Thành A - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG01495		57.50	61.25	77.50		HAG00044
39	NGUYỄN THỦ	KHOA	7	9	1989				Gò Quao - Kiên Giang	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		HAG01513		60.00	41.25	60.00		HAG00120
40	TRẦN HOÀNG	KHỎE			1987				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán		HAG01521		42.50	42.50	55.00		HAG00084
41	NGUYỄN THỊ	KIỀU				27	1	1986	Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG01563		42.50	37.50	62.50		HAG00056
42	TRẦN THỊ BÍCH	KIỀU				18	11	1986	TP. Cà Mau - Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG01567		42.50	MT	60.00		HAG00140
43	TRẦN THỊ DIỄM	KIỀU				12	7	1993	Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG01568		65.00	52.50	67.50		HAG00130
44	VÕ THỊ HUỲNH	KIM				3	10	1990	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG01579		62.50	40.00	50.00		HAG00065
45	LƯƠNG DIỄM	LAM				5	6	1993	Trần Văn Thời - Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Luật thương mại		HAG01589		47.50	30.00	55.00		HAG00003
46	NGUYỄN NGỌC	LAM				16	7	1992	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế nông nghiệp		HAG01591		55.00	42.50	60.00		HAG00122
47	ĐẶNG VĂN	LÂM	16	11	1991				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng	Con TB	HAG01595	20	VT	VT	VT		HAG00136
48	GIANG THỊ KIM	LÂM				24	3	1993	Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG01602		57.50	70.00	70.00		HAG00058
49	LÊ VĂN	LÂM	15	6	1993				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học mở TP. Hồ Chí Minh	Luật kinh tế		HAG01603		40.00	36.25	42.50		HAG00129
50	ĐỖ VĂN TỌT	LÊN	4	10	1989				Châu Thành A - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế học		HAG01655		57.50	47.50	65.00		HAG00009
51	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG	LINH				12	9	1991	Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG01701		35.00	51.25	60.00		HAG00063
52	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH				2	4	1990	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Võ Trường Toản	Tài chính - Ngân hàng		HAG01751		VT	VT	VT		HAG00051
53	PHAN VĂN	LINH	24	7	1993				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Võ Trường Toản	Tài chính - Ngân hàng		HAG01778		VT	VT	VT		HAG00135
54	TRẦN HOÀI	LINH	20	4	1992				Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán		HAG01789		42.50	33.75	57.50		HAG00080
55	TRẦN THỊ MỸ	LINH				25	2	1991	An Biên - Kiên Giang	Đại học Trà Vinh	Kế toán		HAG01798		VT	VT	VT		HAG00055
56	HUỲNH THANH	LONG			1984				Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học An Giang	Quản trị kinh doanh NN		HAG01886		87.50	60.00	82.50		HAG00038
57	VÕ THỊ NGỌC	MAI				6	5	1989	Ngã Bảy - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG01979		75.00	42.50	57.50		HAG00078
58	NGUYỄN HOÀI	MÉN	12	10	1991				Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Đại học Nha Trang	Kế toán		HAG01986		VT	VT	VT		HAG00002
59	LÊ HỒNG	MINH	5	12	1985				Thị trấn Hòa - Thanh Hóa	Viện Đại học mở Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HAG02006		50.00	60.00	60.00		HAG00100
60	HUỲNH THỊ	MUỘI				9	10	1986	Giồng Riềng - Kiên Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính doanh nghiệp		HAG02048		57.50	47.50	25.00		HAG00001
61	LÊ PHAN PHƯƠNG	NAM	31	3	1993				Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán		HAG02088		65.00	45.00	75.00		HAG00008
62	NGUYỄN HOÀI	NAM	1	1	1992				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Sài Gòn	Luật		HAG02093		VT	VT	VT		HAG00099
63	TRẦN QUỐC	NAM	25	12	1981				Giồng Riềng - Kiên Giang	Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		HAG02102		77.50	55.00	62.50		HAG00072
64	VŨ QUỐC	NAM	14	5	1987				Rạch Giá - Kiên Giang	Đại học Tài chính - Marketing	Thuế		HAG02109		45.00	35.00	70.00		HAG00040
65	NGUYỄN THỊ THỦY	NGÂN				3	8	1993	Hòn Đất - Kiên Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán		HAG02208		VT	VT	VT		HAG00133
66	LÊ BÁ	NGHỊ	18	1	1980				Châu Thành A - Hậu Giang	Đại học Bình Dương	Quản trị kinh doanh		HAG02240		32.50	33.75	62.50		HAG00137
67	LÊ TRỌNG	NGHĨA	28	6	1990				Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG02249		50.00	28.75	55.00		HAG00059
68	NGUYỄN THÀNH	NGHIỆM	18	8	1981				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG02257		55.00	32.50	60.00		HAG00119
69	HUỲNH THỊ	NGỌC				19	2	1993	Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh doanh quốc tế		HAG02279		VT	VT	VT		HAG00131
70	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC				23	12	1990	Kế Sách - Sóc Trăng	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG02320		57.50	35.00	65.00		HAG00134
71	VÕ NHƯ'	NGỌC				1	1	1994	Châu Thành - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật hành chính		HAG02353		52.50	36.25	55.00		HAG00111
72	LÊ THỊ THẢO	NGUYỄN				8	11	1993	Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		HAG02368		47.50	51.25	67.50		HAG00046
73	VÕ HUỲNH THANH	NHÂN				29	6	1993	Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		HAG02442		57.50	60.00	80.00		HAG00069
74	NGUYỄN THỊ BÉ	NHANH				18	1	1986	Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG02450		57.50	52.50	77.50		HAG00026
75	BUI THỊ YẾN	NHI				5	10	1993	Ngã Bảy - Hậu Giang	Đại học Trà Vinh	Luật		HAG02457		65.00	48.75	52.50		HAG00005

ngt

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
76	BÙI THANH	NHÍ	8	8	1993				Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật hành chính		HAG02495		37.50	28.75	37.50		HAG00036
77	LÊ THANH	NHIÊU	22	4	1992				Châu Thành - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế		HAG02502		60.00	51.25	85.00		HAG00067
78	TRẦN THỊ ÚT	NHỎ				19	2	1987	Châu Thành A - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Tín dụng		HAG02504		40.00	56.25	60.00		HAG00088
79	TRẦN THỊ	NHUNG				15	3	1991	Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán		HAG02602		VT	VT	VT		HAG00088
80	TRẦN KIỀU	OANH				14	4	1990	Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG02656		VT	VT	VT		HAG00030
81	KIỀU THANH	PHÚ	19	4	1993				Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật thương mại		HAG02705		47.50	40.00	55.00		HAG00012
82	TRẦN TẤN	PHƯỚC	15	12	1980				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Tín dụng		HAG02763		55.00	41.25	60.00		HAG00028
83	HỒ VĂN	PHƯƠNG			1981				Kế Sách - Sóc Trăng	Đại học Cửu Long	Kế toán	HTNVQS	HAG02773	10	32.50	31.25	32.50		HAG00064
84	TRỊNH VIỆT	PHƯƠNG	12	7	1983				Triệu Sơn - Thanh Hóa	Đại học nông lâm thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị tài chính		HAG02844		62.50	46.25	55.00		HAG00118
85	VÕ THỊ MỸ	PHƯƠNG				1	11	1993	Châu Thành A - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật hành chính		HAG02850		VT	VT	VT		HAG00057
86	ĐANG THỊ	QUÍ						1984	Châu Thành A - Hậu Giang	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		HAG02929		47.50	50.00	77.50		HAG00101
87	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN				15	11	1990	Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Sài Gòn	Kế toán		HAG02963		VT	VT	VT		HAG00106
88	TRẦN ĐIỀU	QUYÊN	12	1	1990				Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Kế toán	HTNVQS	HAG02985	10	65.00	36.25	62.50		HAG00045
89	PHAN ANH	SĨ	6	9	1979				Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Sài Gòn	Kế toán		HAG03035		75.00	45.00	77.50		HAG00062
90	NGUYỄN QUỐC	SỬ	19	6	1985				Ngã Bảy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng	HTNVQS	HAG03067	10	47.50	37.50	45.00		HAG00076
91	CHẾ TẤN	TÀI	20	8	1985				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG03079		45.00	36.25	80.00		HAG00027
92	NGUYỄN NGỌC	TÀI	16	9	1991				Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG03084		42.50	38.75	62.50		HAG00097
93	NGUYỄN THANH	TÂN	25	1	1980				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		HAG03153		85.00	35.00	55.00		HAG00019
94	NGUYỄN QUỐC	THÁI	10	12	1989				Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG03177		50.00	42.50	60.00		HAG00082
95	NGUYỄN VƯƠNG QUỐC	THÁI	18	7	1985				Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		HAG03179		77.50	26.25	60.00		HAG00070
96	THÁI THỊ	THẨM				20	4	1989	Ngã Bảy - Hậu Giang	Đại học Võ Trường Toản	Kế toán		HAG03198		45.00	38.75	55.00		HAG00049
97	NGUYỄN NHỰT	THANH	4	9	1992				Bình Thủy - Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG03246		65.00	52.50	85.00		HAG00010
98	TRẦN QUỐC	THẾ	26	4	1989				Long Mỹ - Hậu Giang	Viện Đại học mở Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HAG03415		VT	VT	VT		HAG00077
99	LÊ THỊ KIM	THOÀ				20	2	1993	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG03471		VT	VT	VT		HAG00102
100	NGUYỄN QUANG	THÔNG	20	12	1982				Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG03495		52.50	28.75	35.00		HAG00127
101	TRẦN VĂN	THÔNG	5	5	1989				Châu Thành - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Kinh tế học	HTNVQS	HAG03503	10	VT	VT	VT		HAG00113
102	LÊ MINH	THƯ				10	10	1992	Giồng Riềng - Kiên Giang	Đại học Trà Vinh	Kế toán		HAG03544		VT	VT	VT		HAG00061
103	NGUYỄN ANH	THƯ						1992	Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG03549		70.00	50.00	65.00		HAG00013
104	NGUYỄN THANH	THƯƠNG	15	1	1994				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật hành chính		HAG03615		52.50	32.50	70.00		HAG00053
105	LÊ THỊ DIỄM	THÚY						1991	Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật thương mại		HAG03653		VT	VT	VT		HAG00098
106	TRẦN THỊ NGỌC	THÚY				15	1	1989	Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Trà Vinh	Kế toán		HAG03666		VT	VT	VT		HAG00107
107	NGUYỄN THỊ MỸ	TIỀN				20	6	1990	Ngã Bảy - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		HAG03756		55.00	56.25	65.00		HAG00050
108	NGUYỄN THỊ MỸ	TIỀN				1	5	1990	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		HAG03758		55.00	43.75	62.50		HAG00114
109	PHAN THỊ THÙY	TIỀN				8	8	1992	Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Võ Trường Toản	Quản trị kinh doanh		HAG03762		27.50	48.75	52.50		HAG00052
110	PHAN THỊ BẢO	TRẦN				19	6	1992	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Tài chính - Ngân hàng		HAG03894		32.50	41.25	57.50		HAG00032
111	HÀ THU	TRANG				8	7	1993	Bình Thủy - Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		HAG03921		62.50	66.25	72.50		HAG00117
112	HUỲNH THỊ	TRANG				16	4	1991	Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật		HAG03928		VT	VT	VT		HAG00147
113	LÊ THỊ THÙY	TRANG				19	12	1986	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Luật		HAG03949		45.00	40.00	47.50		HAG00141
114	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG				12	9	1992	Giồng Riềng - Kiên Giang	Đại học Cần Thơ	Luật tư pháp		HAG04030		85.00	50.00	62.50		HAG00071
115	PHAN MINH	TRÍ	16	2	1994				Mỹ Tú - Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kinh tế		HAG04056		57.50	47.50	67.50		HAG00037
116	CAO HẢI	TRIỆU	5	2	1987				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG04063		55.00	35.00	55.00		HAG00138
117	BÙI VIỆT	TRÌNH				3	5	1993	Châu Thành - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		HAG04075		55.00	38.75	67.50		HAG00047
118	NGÔ THỊ TUYẾT	TRÌNH				6	4	1982	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Nha Trang	Kế toán		HAG04088		40.00	33.75	52.50		HAG00095
119	LÊ MINH	TRÒN	10	10	1991				Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Đại học Cần Thơ	Luật thương mại		HAG04121		VT	VT	VT		HAG00128
120	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	18	3	1992				Châu Thành - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		HAG04192		72.50	50.00	70.00		HAG00020

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
121	NGUYỄN HOÀNG	TÚ	20	4	1994				Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	Con NHCS như TB	HAG04221	20	VT	VT	VT		HAG00043
122	HUỲNH THỊ THANH	TUYÊN				16	9	1990	Xã Đại Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG04327		35.00	38.75	35.00		HAG00149
123	VÕ THỊ	TUYÊN				10	10	1993	Hồng Dân - Bạc Liêu	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		HAG04364		VT	VT	VT		HAG00125
124	PHẠM THỊ	TUYẾT				17	5	1979	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		HAG04375		55.00	46.25	52.50		HAG00132
125	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN				26	1	1992	Mỹ Tú - Sóc Trăng	Đại học Trà Vinh	Kế toán		HAG04438		35.00	31.25	37.50		HAG00109
126	DƯ XUÂN	VĂN	6	6	1993				Long Mỹ - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		HAG04482		45.00	30.00	62.50		HAG00060
127	PHAN THẾ	VINH	1	1	1991				Thoại Sơn - An Giang	Đại học Cần Thơ	Kế toán		HAG04544		VT	VT	VT		HAG00087
128	NGUYỄN THỊ THU	XƯƠNG				12	3	1982	Hồng Ngự - Đồng Tháp	Đại học nông lâm thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		HAG04604		65.00	32.50	57.50		HAG00017
129	VÕ TRINH BẢO	YẾN				22	1	1989	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Kế toán		HAG04665		42.50	38.75	32.50		HAG00031
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	PHẠM THỊ TUYẾT	CƯƠNG				23	1	1990	Điện Biên - Thanh Hóa	Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng	Điện tử - Viễn thông	Con TB	HAG04684	20	50.00	43.75			HAG00048
2	MAI HOÀNG	DƯ	19	5	1991				Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Truyền thông và mạng máy tính		HAG04696		60.00	38.75			HAG00115
3	NGUYỄN VŨ	LỰC	10	11	1988				Phụng Hiệp - Hậu Giang	Đại học Cửu Long	Công nghệ thông tin		HAG04748		70.00	41.25			HAG00108
4	LÊ VŨ	PHƯƠNG	6	6	1980				Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Đà Nẵng	Khoa học máy tính		HAG04785		VT	VT			HAG00073
5	ĐÀO VĨNH	THUẬN	26	7	1989				Ô Môn - Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	DTTS	HAG04823	20	VT	VT			HAG00006
6	PHẠM VĂN	VINH	27	8	1988				Đồng Hà - Quảng Trị	Đại học Cần Thơ	Tin học		HAG04868		72.50	72.50			HAG00094
7	DƯƠNG QUANG	VŨ	10	2	1991				Cái Răng - Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Hệ thống thông tin		HAG04870		67.50	45.00			HAG00042
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
1	NGUYỄN QUỐC	HẢI	13	7	1982				Vị Thanh - Hậu Giang	Học viện Hành chính	Hành chính học		HAG04882		67.50	32.50	40.00		HAG00029
2	NGUYỄN THÚY	HÀNG				13	3	1986	Bình Minh - Vĩnh Long	Đại học khoa học xã hội và nhân văn	Lưu trữ Cần Thơ 2011		HAG04883		77.50	42.50	50.00		HAG00011
3	LÊ KHÁC	PHỤC	21	9	1984				Vị Thủy - Hậu Giang	Học viện Hành chính cơ sở TP. Hồ Chí Minh	Hành chính học		HAG04893		72.50	20.00	50.00		HAG00022
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
1	ĐẶNG MINH	CÔNG	24	6	1986				Lai Vung - Đồng Tháp	Cao đẳng Bách Việt TP. Hồ Chí Minh	Mạng máy tính và truyền thông		HAG05417		56.00	26.00			HAG00068
2	LÊ HOÀI	NHI	9	12	1989				Vị Thủy - Hậu Giang	Cao Đẳng cộng đồng Hậu Giang	Tin học ứng dụng		HAG05439		64.00	38.00			HAG00112
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
1	ĐỖ THỊ KIM	CƯƠNG				6	5	1990	Mỹ Tú - Sóc Trăng	Đại học Cần Thơ	Kế toán		HAG04936		VT	VT	VT		HAG00139
2	LÊ THỊ DIỄM	HƯƠNG				15	6	1995	Vị Thủy - Hậu Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		HAG05036		88.00	46.00	76.00		HAG00145
3	NGUYỄN HỒNG	MỘNG	22	6	1978				Châu Thành A - Hậu Giang	Trung học kinh tế kỹ thuật Cần Thơ	Thuế		HAG05111		44.00	26.00	68.00		HAG00091
4	HUỲNH THỊ THU	NGỌC				12	7	1986	Ô Môn - Cần Thơ	Đại học Cần Thơ	Kế toán tổng hợp		HAG05139		44.00	42.00	56.00		HAG00148
5	TRẦN THỊ BÍCH	QUYẾN				19	10	1991	Châu Thành - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		HAG05207		36.00	42.00	60.00		HAG00034
6	DƯƠNG THUY	TRẦN	26	9	1993				Vị Thanh - Hậu Giang	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		HAG05327		32.00	26.00	52.00		HAG00033
7	NGUYỄN ÁI	VĂN				30	6	1988	Ô Môn - Cần Thơ	Đại học Tây Đô	Kế toán		HAG05379		44.00	34.00	56.00		HAG00024
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			